MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ 2

**MÔN: CÔNG NGHỆ 11 – CÔNG NGHỆ CHĂN NUÔI**

**THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng** | | | **% tổng**  **điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | | **Số CH** | | **Thời gian (phút)** |
| **Số CH** | **Thời gian (phút)** | **Số CH** | **Thời gian (phút)** | **Số CH** | **Thời gian (phút)** | **Số CH** | **Thời gian (phút)** | **TN** | **TL** |
| **1** | **4. Phòng, trị bệnh cho vật nuôi** | 4.1. Vai trò của phòng, trị bệnh trong chăn nuôi. | 4 | 3,0 | 3 | 3,75 |  |  | 1 | 10 | 7 | 1 | 16,75 | 27,5 |
| 4.2. Một số bệnh phổ biến trong chăn nuôi (đặc điểm, nguyên nhân và biện pháp phòng, trị). | 10 | 7,5 | 6 | 7,5 | 1 | 8 |  |  | 16 | 1 | 23 | 60 |
| 4.3. Một số ứng dụng của công nghệ sinh học trong phòng, trị bệnh cho vật nuôi. | 2 | 1,5 | 3 | 3,75 |  |  |  |  | 5 |  | 5,25 | 12,5 |
| **Tổng** | |  | **16** | **12** | **12** | **15** | **1** | **8** | **1** | **10** | **28** | **2** | **45,0** | **100** |
| **Tỉ lệ (%)** | |  | **40** | | **30** | | **20** | | **10** | |  |  |  |  |
| **Tỉ lệ chung %** | |  | **70** | | | | **30** | | | |  |  |  |  |

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ 2

**MÔN: CÔNG NGHỆ 11– CÔNG NGHỆ CHĂN NUÔI**

**THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 phút**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| 1 | **4. Phòng trị bệnh cho vật nuôi** | 4.1. Vai trò của phòng, trị bệnh trong chăn nuôi. | **Nhận biết:**  - Trình bày được khái niệm, tác hại của bệnh trong chăn nuôi (C1).  - Nêu được ý nghĩa, vai trò của phòng, trị bệnh trong chăn nuôi (C2,3)  - Kể tên được một số loại bệnh phổ biến ở vật nuôi C4).  **Thông hiểu:**  - Phân biệt được các nghề nghiệp trong chăn nuôi. (C5)  - Phân biệt được phòng bệnh và trị bệnh. (C6)  - Phân tích được tác hại của bệnh trong chăn nuôi. (C7)  **Vận dụng:**  - Tư vấn được các biện pháp đảm bảo an toàn cho người, vật nuôi và môi trường. (TL2) | 4 | 3 |  | 1 |
| 4.2. Một số bệnh phổ biến trong chăn nuôi (đặc điểm, nguyên nhân và biện pháp phòng, trị). | **Nhận biết:**  - Kể tên được một số bệnh ảnh hưởng đến vật nuôi (C8).  - Mô tả được đặc điểm một số bệnh phổ biến trên lợn. (C9)  - Nêu được nguyên nhân gây ra một số bệnh phổ biến trên lợn. (C10)  - Mô tả được đặc điểm một số bệnh phổ biến trên lợn (C11).  - Mô tả được đặc điểm một số bệnh phổ biến trên gia cầm (C12).  - Kể tên được một số bệnh phổ biến trên gia cầm (C13).  - Nêu được nguyên nhân gây ra một số bệnh phổ biến trên gia cầm. (C14)  - Mô tả được đặc điểm một số bệnh phổ biến trên trâu bò (C15).  - Kể tên một số biện pháp phòng, trị một số bệnh phổ biến trong chăn nuôi (C16).  - Nêu được biện pháp phòng, trị một số bệnh phổ biến trong chăn nuôi hiệu quả nhất (C17).  **Thông hiểu:**  - Phân biệt được các đặc điểm cơ bản của một số bệnh phổ biến trên gia cầm. (C18)  - Phân tích được hậu quả gây ra khi lợn mắc một số bệnh phổ biến. (C19).  - Lựa chọn được biện pháp phòng trị bệnh phù hợp cho gia cầm. (C20).  - Phân biệt được các đặc điểm cơ bản của một số bệnh phổ biến trên gia cầm (C21).  - Phân biệt được các biện pháp phòng, trị bệnh phổ biến ở trâu, bò. (C22)  - Lựa chọn được biện pháp phòng trị bệnh phù hợp cho một số đối tượng vật nuôi phổ biến. (C23)  **Vận dụng**  - Chuẩn đoán được các bệnh và đề xuất được biện pháp phòng trị bệnh phù hợp cho một số đối tượng vật nuôi phổ biến ở gia đình, địa phương. (TL1) | 10 | 6 | 1 |  |
| 4.3. Một số ứng dụng của công nghệ sinh học trong phòng, trị bệnh cho vật nuôi. | **Nhận biết:**  - Kể tên được một số ứng dụng công nghệ sinh học trong phòng, trị bệnh vật nuôi (C24).  - Nêu được ưu điểm của việc ứng dụng công nghệ sinh học trong phòng, trị bệnh cho vật nuôi (C25).  **Thông hiểu:**  - Phân biệt được các ứng dụng công nghệ sinh học trong phòng, trị bệnh cho vật nuôi (C26)  - Phân tích được quy trình sản xuất kháng sinh truyền thống (C27)  - Phân tích được quy trình sản xuất Vaccine DNA tái tổ hợp. (C28) | 2 | 3 |  |  |
|  | **Tổng số câu** | |  | **16** | **12** | **1** | **1** |

**V. NỘI DUNG ĐỀ**

**PHẦN TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm)**

**Câu 1.** Đâu **không phải** biểu hiện của vật nuôi bị bệnh?

**A.** Buồn ăn, chậm chạp, chán ăn, bỏ ăn. **B.** Sốt, chảy nước mắt.

**C.** Kêu, chạy, nhảy ra khỏi chuồng. **D.** Ho, tiêu chảy.

**Câu 2.** Vai trò của phòng trị bệnh trong chăn nuôi là gì?

**A**. Bảo vệ vật nuôi, nâng cao hiệu quả chăn nuôi. **B.** Bảo vệ động vật.

**C.** Bảo vệ chuồng nuôi. **D.** Chăm lo sức khỏe cho vật nuôi.

**Câu 3.** Đâu **không** là vai trò về bảo vệ môi trường trong phòng trị bệnh cho vật nuôi?

**A**. Giúp giảm nguy cơ tồn tại, lây lan và phát tán mầm bệnh.

**B.** Giảm sử dụng các biện pháp chống dịch tiềm ẩn nguy cơ gây ảnh hưởng xấu đến môi trường.

**C.** Khi được phòng, trị bệnh hiệu quả, vật nuôi sẽ sinh trưởng tốt, tăng hiệu quả sử dụng thức ăn, rút ngắn thời gian nuôi cũng góp phần bảo vệ môi trường.

**D.** Phòng, trị bệnh hiệu quả cho vật nuôi sẽ làm tăng nguy cơ tồn tại, lây lan và phát tán mầm bệnh.

**Câu 4.** Đâu **không phải** một bệnh do vi sinh vật gây ra ở vật nuôi?

**A.** Bệnh lở mồm long móng. **B.** Bệnh dịch tả lợn.

**C.** Bệnh tụ huyết trùng. **D.** Bệnh trầm cảm.

**Câu 5.** Bác sỹ thú y và kỹ sư chăn nuôi là những người tốt nghiệp đại học ngành học nào?

**A.** Chăn nuôi thú y. **B.** Chăm sóc cây trồng.

**C.** Bác sỹ đa khoa. **D.** Xây dựng.

**Câu 6.** Đâu là biện pháp trị bệnh cho vật nuôi?

**A.** Tiêm vaccin theo quy định.

**B.** Điều trị sớm bằng kháng sinh và thuốc trợ lực.

**C.** Vệ sinh, tiêu độc chuồng trại, cách ly triệt để gia súc bị bệnh hoặc nghi bệnh.

**D**. Kiểm dịch, ngăn chặn nguồn bệnh.

**Câu 7.** Bệnh nào lây truyền từ động vật sang người?

**A.** Bệnh Ebola. **B.** Bệnh tụ huyết trùng.

**C.** Bệnh Newcastle. **D.** Bệnh lở mồm, long móng.

**Câu 8.** Bệnh lở mồm, long móng gây hại ở những động vật nào sau đây?

**A.** Trâu, bò, dê, lợn. **B.** Trâu, bò, gà, vịt.

**C.** Trâu, bò, chó, mèo. **D.** Gia súc, gia cầm.

**Câu 9.** Lợn mắc bệnh tụ huyết trùng có triệu chứng nào **khác** bệnh tai xanh?

**A.** Vùng bụng có màu đỏ tím. **B.** Sốt cao. **C.** Khó thở. **D.** Bỏ ăn.

**Câu 10.** Nguyên nhân nào gây ra bệnh dịch tả lợn cổ điển?

**A.** Virus. **B.** Vi khuẩn. **C.** Nấm. **D.** Ký sinh trùng.

**Câu 11.** Loại lợn nào thường mẫn cảm với bệnh tai xanh hơn?

**A.** Lợn nái mang thai. **B.** Lợn thả rông. **C.** Lợn thịt. **D.** Lợn đực giống.

**Câu 12**. Triệu chứng bệnh Newcastle diễn biến qua bao nhiêu thể ?

**A.** 2. **B.** 3. **C.** 4. **D.** 5.

**Câu 13.** Nhóm bệnh nào sau đây gia cầm thường hay mắc phải?

**A.** Cúm gia cầm, cúm covid, tụ huyết trùng. **B.** Sùi mào gà, tụ huyết trùng, newcastle.

**C.** Newcastle, tụ huyết trùng, cúm gia cầm. **D.** Cúm H5N1, tụ huyết trùng, gà tai xanh.

**Câu 14.** Bệnh tụ huyết trùng ở gia cầm do tác nhân nào gây ra?

**A.** Virus. **B.** Vi khuẩn. **C.** Nấm. **D.** Ký sinh trùng.

**Câu 15.** Triệu chứng bệnh lở mồm, long móng là gì?

**A.** Xuất huyết ở các bề mặt niêm mạc, mỡ bụng, xuất huyết và hoại tử tuyến tụy.

**B.** Ủ rũ, vận động chậm, bỏ ăn, chảy nhiều nước mũi, nước dãi, liệt chân, ngoẹo cổ.

**C.** Gây tụ huyết từng mảng và xuất huyết ở một số vùng như niêm mạc mắt, miệng, mũi, da.

**D.** Chảy nước mũi, nước bọt, móng bị nứt.

**Câu 16.** Ở trâu, bò thì các bệnh do tác nhân nào gây ra hiện nay vẫn chưa có thuốc điều trị đặc hiệu?

**A.** Virus. **B.** Vi khuẩn. **C.** Nấm. **D.** Ký sinh trùng.

**Câu 17.** Để phòng bệnh lở mồm, long móng ở trâu, bò hiệu quả thì biện pháp nào là quan trọng nhất?

**A.** Cấm mua bán, xuất nhập trâu, bò trong vùng có dịch.

**B.** Tiêm phòng vaccine đầy đủ.

**C.** Vệ sinh, tiêu độc chuồng trại đúng quy định.

**D.** Vật nuôi bị chết phải chôn sâu, xa khu dân cư, xa nguồn nước sinh hoạt, xa khu vực chăn nuôi.

**Câu 18.** Loại bệnh nào chỉ xuất hiện trên lợn?

**A.** Bệnh tai xanh. **B.** Bệnh dịch tả.

**C.** Bệnh tụ huyết trùng. **D.** Bệnh lở mồm, long móng.

**Câu 19.** Con vật còn sống sót sau khi bị bệnh dịch tả lợn cổ điển thường

**A.** phát triển nhanh chóng, khoẻ mạnh, có sức đề kháng rất cao.

**B.** phát triển nhanh đột biến nhưng chất lượng thịt có thể gây hại cho người tiêu dùng.

**C.** còi cọc, chậm lớn.

**D.** còi cọc, chậm lớn nhưng chất lượng thịt rất tốt.

**Câu 20.** Kháng sinh Streptomycin,Tetracyclin, Neotesol dùng đặc trị bệnh nào trên gia cầm sau đây?

**A.** Bệnh Newcastle. **B.** Bệnh cúm gia cầm.

**C.** Bệnh tụ huyết trùng. **D.** Bệnh cầu trùng gà.

**Câu 21.** Sau thời gian bao lâu thì gà bị bệnh Newcastle xuất hiện triệu chứng thần kinh như ngoẹo cổ, bước vòng tròn, liệt chân và cánh?

**A.** 1 đến 3 ngày. **B.** 4 đến 10 ngày. **C.** 5 đến 6 ngày. **D.** Từ ngày thứ 8 trở đi.

**Câu 22.**  Biện pháp phòng bệnh tụ huyết trùng trâu, bò nào sau đây là **sai**?

**A.** Định kì bổ sung các sản phẩm có tác dụng tăng sức đề kháng.

**B.** Luôn giữ chuồng trại, bãi chăn thả khô thoáng, lưu thông khí, vệ sinh sát trùng định kì.

**C.** Tiêm phòng vaccine đầy đủ theo quy định.

**D.** Dùng kháng sinh để phòng bệnh như: Kanamycin, Neomycin, Gentamycin.

**Câu 23.** Cho các nội dung sau:

1- Kịp thời báo cho thú y địa phương.

2- Lập tức tiêu hủy vật nuôi bị bệnh để tránh lây lan.

3- Kết hợp dùng kháng sinh, tiêm thuốc trợ tim, trợ sức.

4- Truyền dịch nếu cần thiết.

Các biện pháp **đúng** khi phát hiện trâu, bò bị bệnh tụ huyết trùng?

**A.** 1-2-3. **B.** 2-3-4. **C.** 1-3-4. **D.** 1-2-4.

**Câu 24.** Đâu là một công nghệ mới ứng dụng trong sản xuất vaccine?

**A.** Công nghệ vaccine tái tổ hợp. **B.** Kĩ thuật triệt phá virus trao đổi gene.

**C.** Kĩ thuật tấn công trực diện virus. **D.** Công nghệ sử dụng virus angle.

**Câu 25.** Đâu **không phải** ưu điểm của phương pháp PCR?

**A.** Cho kết quả nhanh. **B.** Độ nhạy cao. **C.** Thao tác đơn giản. **D.** Độ chính xác cao.

**Câu 26.** Đâu**không phải** một ứng dụng công nghệ sinh học trong phòng, trị bệnh cho vật nuôi?

**A.** Ứng dụng công nghệ chẩn đoán di truyền trong chẩn đoán bệnh cho vật nuôi.

**B.** Ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất vaccine phòng bệnh cho vật nuôi.

**C.** Ứng dụng công nghệ lên men liên tục trong sản xuất kháng sinh điều trị bệnh cho vật nuôi.

**D.** Ứng dụng công nghệ acid sulfuric xúc tác trong loại bỏ virus có hại.

**Câu 27.** Đối với sản xuất kháng sinh theo phương pháp truyền thống, các vi sinh vật được

**A**. nuôi cấy, nhân lên, sau đó trải qua quy trình phức tạp để chiết tách kháng sinh.

**B.** nuôi cấy, nhân lên, sau đó trải qua đun nóng và làm lạnh để chiết tách kháng sinh.

**C.** chiết tách thành kháng sinh dựa trên công nghệ PCR.

**D.** chiết tách thành kháng sinh dựa trên công nghệ sinh học.

**Câu 28.** Trong quy trình sản xuất Vaccine DNA tái tổ hợp các vòng Plasmid được cắt ra mở bằng gì?

**A.** Enzyme cắt. **B.** Phản ứng PCR.

**C.** Gene mã hóa kháng nguyên. **D.** Protein đặc thù.

**Phần tự luận** *(3,0 điểm)*

**Câu 1** *(2,0 điểm).*Nhà An đang nuôi một đàn gà trong chuồng. Sáng ra khi đi kiểm tra chuồng gà An thấy có một số con gà có biểu hiện ủ rũ, ít vận động, mào tím tái, phân lỏng, ngoẹo cổ, liệt chân và cánh. Là một bác sỹ thú y, em hãy chuẩn đoán đàn gà nhà an đang mắc bệnh gì và hãy đề xuất các biện pháp phòng, trị bệnh an toàn cho An và cho mọi người ở địa phương em?

**Câu 2** *(1.0 điểm).* Lan đang có dự định chăn nuôi theo hình thức hộ gia đình (chăn nuôi nông hộ). Bằng các kiến thức đã được học em hãy tư vấn cho Lan các biện pháp đảm bảo an toàn cho người, vật nuôi và môi trường?

**ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM**

**I. Trắc nghiệm: (7,0 điểm)** Mỗi câu trả lời trắc nghiệm đúng được 0,25 điểm

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Câu*** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 |
| ***Đáp án*** | C | A | D | D | A | B | A | A | A | A | A | B | C | B |
|  | | | | | | | | | | | | | | |
| ***Câu*** | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 | 25 | 26 | 27 | 28 |
| ***Đáp án*** | D | A | B | A | C | C | C | D | C | A | C | D | A | A |

**II. Tự luận** *(3,0 điểm)*

**Câu 1** *(2,0 điểm):*

\* Chuẩn đoán đàn gà nhà An đang mắc bệnh Newcastle. (0,5 điểm)

\* Đề xuất các biện pháp phòng, trị bệnh an toàn.

- Phòng bệnh: (1,0 điểm)

+ Khi chưa có dịch xảy ra:

Ngăn chặn nguồn bệnh bằng cách hạn chế người qua lại khu chăn nuôi; sát trùng dụng cụ, thiết bị chăn nuôi; thực hiện kiểm dịch, cách li, tiêm Vaccine đúng quy định.

+ Khi có dịch: Kịp thời báo cho thú y địa phương; tiêu hủy gia cầm bị bệnh và nghi nhiễm đúng quy định; Tiêm Vaccine và cách li số gia cầm còn lại; tẩy uế, tiêu độc chuồng trại; không mang gia cầm bệnh và sản phẩm của chúng ra khỏi vùng dịch.

- Trị bệnh: Bệnh do Virus gây ra nên không có thuốc điều trị đặc hiệu. Tuy nhiên có thể sử dụng thuốc trợ sức, trợ lực để tăng khả năng đề kháng cho gia cầm bị bệnh. (0,5 điểm)

*(Mối ý đúng được 0,5 điểm, HS có thể làm theo các cách khác, nếu đúng vẫn tính điểm tối đa*)

**Câu 2** *(1,0 điểm***):** Biện pháp đảm bảo an toàn cho người, vật nuôi và môi trường đối với chăn nuôi nông hộ.

- Vệ sinh, khử trùng, tiêu độc, diệt mầm bệnh và các loài động vật trung gian truyền bệnh định kỳ và sau mỗi đợt nuôi.

- Vệ sinh dụng cụ dùng trong chăn nuôi trước khi đưa vào sử dụng.

- Con giống phải sạch mầm bệnh và đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng.

- Thức ăn, nước uống phải đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh.

- cách ly vật nuôi mới đủ thời gian trước khi cho chung vào đàn...

(*(Mối ý đúng được 0,25 điểm, HS có thể làm theo các cách khác, nếu đúng vẫn tính điểm tối đa*)